

# BÁO CÁO TUẦN 06

10/02/2025 – 14/02/2025

*Diễn biến khả quan sau kỳ nghỉ Lễ,  
kéo dài chuỗi tuần thứ 3 tăng điểm*



# MỤC LỤC

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

3. PTKT VN-INDEX: *Quay lại vùng đỉnh ngắn hạn, VN-Index hoàn thành mô hình hồi phục chữ V*

4. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Hàng & Dịch vụ công nghiệp +3.72%*

5. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

6. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

# DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

## Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	07/02/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	6025.99	-0.9%	-0.2%	1.8%	20.6%
EU (EURO STOXX 50)	5325.4	-0.6%	0.7%	6.6%	13.0%
Trung Quốc (SHCOMP)	3303.667	1.0%	1.6%	2.3%	15.3%
Nhật Bản (NIKKEI)	38787.02	-0.7%	-2.0%	-3.0%	5.2%
Hàn Quốc (KOSPI)	2521.92	-0.6%	0.2%	0.0%	-3.8%
Singapore (STI)	3861.42	0.8%	0.1%	-0.7%	22.9%
Thái Lan (SET)	1282.09	1.6%	-2.5%	-7.6%	-7.7%
Phillipines (PCOMP)	6154.99	-1.4%	5.0%	-5.3%	-10.1%
Malaysia (KLCI)	1590.91	0.4%	2.2%	-1.5%	5.2%
Indonesia (JCI)	6742.576	-1.9%	-5.2%	-4.8%	-6.8%
Việt Nam (VNI)	1275.2	0.3%	0.8%	1.9%	6.4%
Việt Nam (HNX)	229.49	0.2%	2.9%	3.4%	-0.7%
Việt Nam (UPCOM)	97.24	0.5%	3.1%	4.0%	8.9%

Nguồn: Bloomberg

### TTCK THẾ GIỚI

#### CK Hoa Kỳ duy trì nhịp tăng trước diễn biến mới của cuộc thương chiến

Lo ngại về thương chiến tạm thời lắng lại khi Tổng thống tạm dừng thuế với Canada và Mexico. TTCK Hoa Kỳ chuyển sang phân hóa theo KQKD các công ty niêm yết công bố trong quá trình chờ báo cáo việc làm tháng 1. Diễn biến về cuộc chiến thương mại mới cũng ảnh hưởng lên các thị trường khác, theo đó Lợi tức trái phiếu Hoa Kỳ và DXY giảm trong khi giá vàng lập kỷ lục mới.

- Các chỉ số CK Hoa Kỳ tăng lại bình quân 0.7%, EU600 +0.9%, Nikkei 225 -1.8%; CSI 300 +2.6%.
- Chỉ số hàng hóa +0.4%, giá gas +11%, các kim loại đều tăng mạnh, trong đó kim loại quý (Vàng+2.4, Bạc +3.1%) và các kim loại (Đồng +5.4%, Quặng sắt +4.82%, Kẽm +4%).
- Chỉ số DXY và lợi tức TP Hoa Kỳ 10y cùng giảm lần lượt -0.6% và -0.1%.

Tạm hoãn áp thuế 25% với hàng hóa Canada và Mexico thêm 1 tháng, Hoa Kỳ bắt đầu áp thuế 10% lên hàng hóa Trung Quốc (Kim ngạch thương mại 2 nước đạt 668 tỷ USD, Hoa kỳ thâm hụt 361 tỷ USD năm 2024) kể từ ngày 4/2, qua đó bắt đầu cho cuộc thương chiến nhiệm kỳ 2 của ông Trump. Trung Quốc lập tức thông báo áp thuế với các hàng hóa Hoa Kỳ gồm 15% than, khí LNG và 10% với dầu thô, thiết bị nông nghiệp và ô tô nhập khẩu. Quốc gia này cũng như xiết chặt xuất khẩu đất hiếm và khiến kiện Hoa Kỳ lên tổ chức Thương mại Quốc tế. Trung Quốc cũng điều tra chống độc quyền với Google và cân nhắc với Apple. Động thái mới của cuộc chiến thương mại gây lo ngại và thu hút chú ý của các NHTW và tổ chức quốc tế.

CPI, khoản vay mới và cung tiền M2 Trung Quốc; CPI, PPI, Đơn xin trợ cấp thất nghiệp và Doanh thu bán lẻ Hoa Kỳ; Chỉ số sản xuất công nghiệp và GDP công bố lần đầu EU; GDP Anh là thông tin chú ý trong tuần tới.

## Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	07/02/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Vàng	USD/ozt	2,861.1	0.2%	2.2%	7.5%	40.6%
Bạc	USD/ozt	31.8	-1.1%	1.6%	5.7%	40.9%
Thép HRC	USD/T.	755.0	2.0%	2.0%	7.5%	-20.1%
Nhôm	USD/MT	2,634.8	0.3%	1.2%	6.6%	19.9%
Niken	USD/MT	15,561.8	-0.4%	3.4%	2.1%	-1.4%
Quặng sắt	CNY/MT	827.5	2.3%	1.5%	10.2%	-15.7%
Dầu Brent	USD/bbl.	74.7	0.5%	-2.7%	-2.0%	-8.5%
Dầu WTI	USD/bbl.	71.0	0.6%	-2.1%	-3.2%	-6.8%
Xăng	USd/gal.	210.5	1.5%	3.4%	4.7%	-10.1%
Than đá	USD/MT	107.3	-1.6%	-7.1%	-8.7%	-11.1%
Đậu tương	USD/bu.	1,049.5	-1.0%	0.7%	6.3%	-12.1%
Cao su	JPY/kg	377.4	0.0%	-4.2%	1.0%	33.2%
Đường	USD/MT	517.7	-0.9%	-0.3%	2.8%	-22.2%

Nguồn: Bloomberg

### TTCK VIỆT NAM

#### Diễn biến khả quan sau kỳ nghỉ Lễ, kéo dài chuỗi tuần thứ 3 tăng điểm

VN-Index giữ vững đà hồi phục trước Tết với sự nâng đỡ từ nhóm cổ phiếu ngân hàng. Chỉ số tăng 0.8% cùng với thanh khoản tăng 13%.

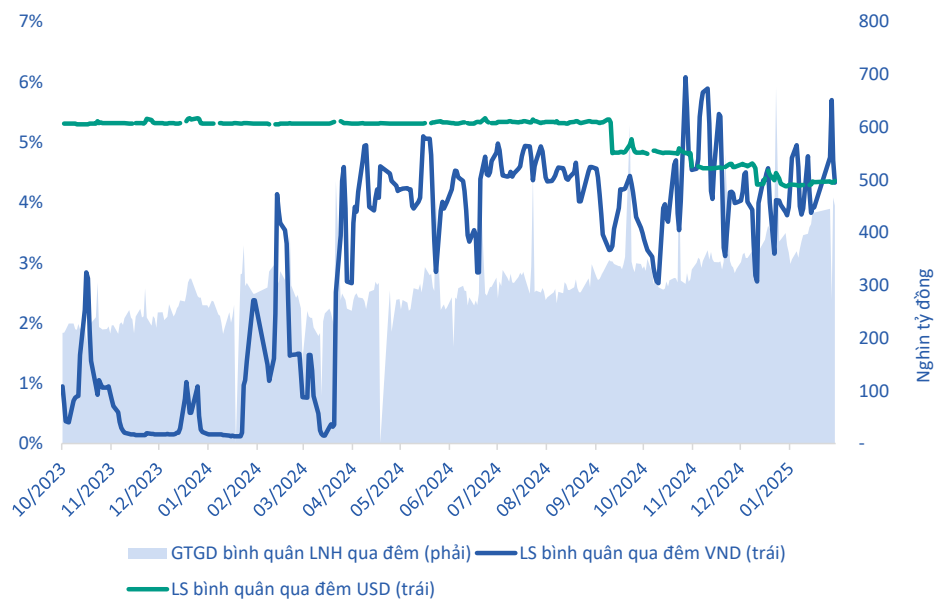
- Nhóm cổ phiếu Ngân hàng vẫn tăng tốt nhờ KQKD tích cực khi chiếm 7/10 cổ phiếu đóng góp nhiều điểm nhất cho VN-Index (góp 8/10 điểm tăng của thị trường).
- Độ rộng tăng điểm mở rộng với 15/18 ngành giảm điểm nhưng sự phân hóa, cũng như vòng luân chuyển tăng giá giữa các ngành diễn ra khá nhanh. Dịch vụ công nghiệp, ô tô phụ tùng và hàng cá nhân tăng trên 1.7% trong khi công nghệ thông tin và bán lẻ giảm từ 2.6-4.2% chủ yếu do 1 vài cổ phiếu lớn giảm điểm.
- Khối ngoại tiếp duy trì đà bán ròng 166 triệu USD sau khi bán ròng mạnh 182 triệu USD tuần trước.

Trong tháng 1, chỉ số sản xuất công nghiệp +0.6%yoy; Bán lẻ HH&DTDVTĐ +9.5% yoy; Vốn đầu tư từ NS +9.6% yoy; FDI đạt 4.3 tỷ USD, +48% yoy; thặng dư ngân sách 141 nghìn tỷ; Kim ngạch XNK -3.5% yoy và xuất siêu 3.03 tỷ USD; CPI +3.63% yoy; khách quốc tế 2.1 triệu người, +36.9% yoy. Mặc dù bị ảnh hưởng có tính mùa vụ từ kỳ Nghỉ Lễ Tết AL, dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 1 vẫn cho thấy xu hướng cải thiện của lĩnh vực sản xuất và dịch vụ tiếp nối xu hướng của năm 2024, mang lại kỳ vọng tăng trưởng cao trong năm 2025.

NDT cân nhắc chốt lời ở những cổ phiếu riêng lẻ tăng mạnh, giữ tỷ trọng cổ phiếu hợp lý để có dư địa mua vào khi thị trường điều chỉnh do VN-Index về gần đỉnh ngắn hạn và xu hướng thị trường chưa xác định rõ ràng.

# THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

### Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: FiinProX, BSC Research

### Giao dịch trên OMOs (đvt: tỷ đồng)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Outstanding
Tuần 50	46,950.0	53,549.9	6,599.9	(5.1)
Tuần 51	101,422.9	29,971.9	(71,451.0)	(71,456.1)
Tuần 52	24,806.9	101,372.9	76,566.0	5,109.9
Tuần 53	61,140.0	72,396.2	11,256.2	16,366.1
Tuần 1	142,736.1	90,139.9	(52,596.2)	(36,230.1)
Tuần 2	87,749.9	98,380.0	10,630.1	(25,600.0)
Tuần 3	72,849.6	202,180.0	129,330.4	103,730.4
Tuần 4	0.0	0.0	0.0	103,730.4
Tuần 5	90,613.1	124,923.5	34,310.5	138,040.8

Nguồn: FiinProX, BSC Research

### Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	4.87%	4.72%	4.83%	5.34%
So với tuần trước	+0.74%	-0.11%	+0.07%	-0.09%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	408,885.8	10,489.0	3,392.0	2,462.8
So với tuần trước	-2.67%	+676.96%	-30.59%	-41.45%

\* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 06/02/2025

Nguồn: FiinProX, BSC Research

### Nhận xét:

- Trong tuần 5, SBV đã phát hành 16,999.8 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 95,073.9 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã bơm ròng 34,310.5 tỷ đồng qua OMOs.
- Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục giao dịch trong biên độ rộng.

## PTKT: Quay lại vùng đỉnh ngắn hạn, VN-Index hoàn thành mô hình hồi phục chữ V

**Đồ thị ngày:** Sau phiên rũ dưới SMA trung và dài hạn phiên đầu tuần, VN-Index có phiên hồi phục và tạo gap tăng giá sau đó, tiến về vùng đỉnh ngắn hạn cũng như vùng giá mục tiêu của mô hình hồi phục chữ V. Diễn biến giằng co khi chạm bollinger band trên, và các chỉ báo kỹ thuật duy trì ở mức trung tính cho thấy chỉ số cần nhịp tích lũy trước khi có vận động rõ ràng tạo xu hướng.

**Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:**

- RSI tăng 56 lên 61 điểm.
- MACD MACD vượt trên đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản tăng 13% với giao dịch tuần trước.
- VN-Index vượt qua SMA 20, SMA 50, 100 và 200.

**Kết luận:** VN-Index đã quay lại vùng đỉnh ngắn hạn 1,275 điểm nhờ sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng. Vận động ngành vẫn chưa rõ rệt và thanh khoản tăng chậm khiến chỉ số có dấu hiệu giằng dụa được nâng đỡ từ nhóm cổ phiếu Ngân hàng. Chỉ số thêm thời gian tích lũy tạo mặt bằng và chờ đợi động lực tăng giá mới kiểm tra đỉnh năm 2014 tại 1,300 điểm. VN-Index do vậy được dự báo giao dịch giằng co quanh 1,275 điểm trong tuần tới.



Nguồn: FireAnt

## VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

### Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% Tăng	Điểm số
CTG	7.37	3.61
TCB	4.04	1.70
BID	1.25	0.83
GEE	24.86	0.63
GVR	2.08	0.58
VCB	0.43	0.54
MBB	1.56	0.51
LPB	1.81	0.47
ACB	1.38	0.38
HVN	2.42	0.35
<b>Tổng</b>		<b>9.58</b>

### Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% Giảm	Điểm số
FPT	-4.76	-2.58
VHM	-1.90	-0.74
VNM	-2.25	-0.70
FRT	-8.54	-0.58
SAB	-2.60	-0.43
MWG	-2.00	-0.42
GAS	-0.88	-0.34
VTP	-4.76	-0.24
VJC	-1.70	-0.22
NLG	-4.94	-0.17
<b>Tổng</b>		<b>-6.41</b>

### Khối ngoại mua ròng

Mã	Mua ròng (tỷ đồng)
SHS	136.28
OCB	85.94
PC1	69.75
PDR	64.77
CTG	61.65
TCH	54.66
VGC	51.04
HPG	46.52
GEX	41.88
DIG	41.04
<b>Tổng</b>	<b>653.54</b>

### Khối ngoại bán ròng

Mã	Bán ròng (tỷ đồng)
MSN	-971.80
VNM	-678.87
FPT	-642.64
MWG	-267.98
LPB	-209.56
SSI	-205.90
FRT	-192.63
VHM	-170.57
VPB	-126.68
VRE	-123.17
<b>Tổng</b>	<b>-3589.80</b>

### Vận động ngành

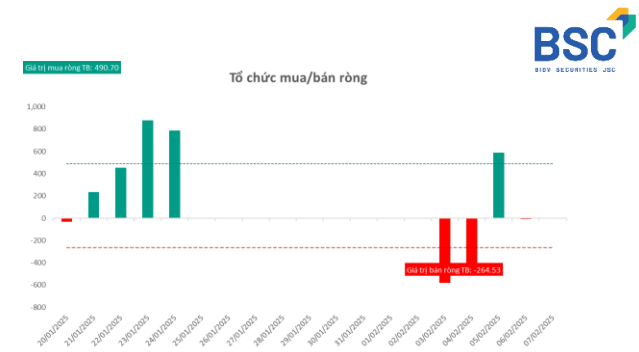
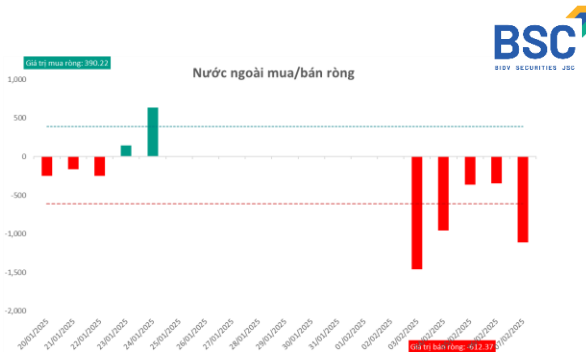
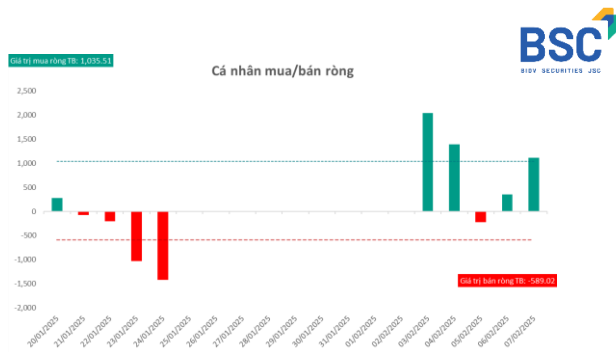
Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.00%	3.72%	9.23%
Bảo hiểm	1.98%	3.07%	6.84%
Ô tô và phụ tùng	-0.11%	2.81%	3.10%
Ngân hàng	0.83%	1.81%	3.85%
Hóa chất	0.11%	1.65%	2.62%



Nguồn: FiinProX, BSC Research



# DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐT NN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị
MBB	13,461,449	303.40	LPB	10,098,000	(361.23)	OCB	7,623,996	85.94	MSN	13,520,609	(971.80)	MSN	14,498,309	1,037.56	GEX	7,772,290	(165.76)
E1VFN30	3,029,400	70.20	GEE	7,107,000	(275.86)	PC1	2,993,355	69.75	VNM	11,214,278	(678.87)	VNM	13,217,678	800.95	OCB	12,018,396	(136.55)
GEX	3,126,200	66.98	CTG	2,826,700	(110.12)	PDR	3,272,903	64.77	FPT	4,374,827	(642.64)	FPT	4,794,305	703.81	LPB	3,588,781	(129.99)
VCB	630,600	58.15	MSN	1,204,000	(81.71)	CTG	1,449,399	61.65	MWG	4,571,212	(267.98)	GEE	13,640,500	489.29	VSC	6,716,895	(121.01)
GMD	797,200	50.36	PC1	3,438,500	(79.53)	TCH	3,523,204	54.66	LPB	5,843,719	(209.56)	VHM	9,182,290	357.26	HPG	4,441,574	(120.38)
PVT	1,883,400	50.07	STB	2,129,300	(78.89)	VGC	1,012,000	51.04	SSI	8,214,951	(205.90)	SSI	12,660,622	317.22	TCH	7,651,104	(118.34)
TCH	2,691,100	41.67	VHM	1,909,800	(74.33)	HPG	1,719,775	46.52	FRT	989,737	(192.63)	MWG	5,375,112	314.43	PNJ	896,398	(88.41)
VCI	1,142,100	39.64	SSI	2,924,304	(73.40)	GEX	1,980,990	41.88	VHM	4,383,690	(170.57)	TCB	10,636,801	263.73	MBB	2,791,807	(63.75)
FPT	204,844	30.35	VPB	3,595,609	(67.46)	DIG	2,187,900	41.04	VPB	6,750,628	(126.68)	FRT	677,137	131.05	VGC	1,192,400	(60.19)
FUEVFVND	936,800	30.07	HDB	2,036,600	(46.02)	VIC	742,303	30.09	VRE	7,397,690	(123.17)	DGC	1,141,062	126.04	PVT	2,124,140	(56.29)

## DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	93	0.1%	0.6	20,672	8.4	6,053	15.4	0.0	22.9%	<a href="#">Link</a>
BID	Ngân hàng	40.5	1.8%	1.30	11,110	13.0	3575	11.3	-	16.8%	<a href="#">Link</a>
VPB	Ngân hàng	19	-0.5%	1.00	5,979	6.7	1989	9.5	-	25.0%	<a href="#">Link</a>
TCB	Ngân hàng	25.8	2.2%	1.40	7,235	27.2	3046	8.5	-	22.5%	<a href="#">Link</a>
MBB	Ngân hàng	22.8	0.7%	1.10	5,521	12.8	4265	5.3	26,600	20.2%	<a href="#">Link</a>
STB	Ngân hàng	37.4	0.3%	1.50	2,808	17.8	5351	7.0	-	23.0%	<a href="#">Link</a>
CTG	Ngân hàng	40.8	3.3%	1.60	8,713	24.3	4719	8.6	-	296.9%	<a href="#">Link</a>
ACB	Ngân hàng	25.7	0.8%	0.90	4,565	10.1	3759	6.8	-	30.0%	<a href="#">Link</a>
SSI	Chứng khoán	25	-0.2%	1.60	1,951	7.8	1445	17.3	-	39.6%	<a href="#">Link</a>
IDC	BĐS KCN	54.8	-0.5%	1.10	719	0.6	6050	9.1	65,700	22.6%	<a href="#">Link</a>
HPG	VLXD	26.6	-0.6%	1.10	6,779	13.3	1879	14.2	41,500	21.5%	<a href="#">Link</a>
HSG	VLXD	17.7	-0.3%	1.60	437	2.0	836	21.2	25,300	9.3%	<a href="#">Link</a>
VHM	BĐS	39	-0.1%	0.60	6,330	4.6	7591	5.1	108,300	11.5%	<a href="#">Link</a>
KDH	BĐS	34.6	-0.1%	1.10	1,389	2.3	522	66.2	44,500	37.3%	<a href="#">Link</a>
NLG	BĐS	34.6	0.6%	1.40	531	2.1	1330	26.0	-	43.5%	<a href="#">Link</a>
DGC	Hóa chất	111.1	-0.3%	1.40	1,678	5.5	7870	14.1	115,000	17.7%	<a href="#">Link</a>
DCM	Phân bón	34.6	-0.4%	1.00	730	1.2	2518	13.8	38,700	5.8%	<a href="#">Link</a>
GAS	Dầu khí	67.3	-0.4%	0.40	6,270	2.2	4439	15.2	-	1.7%	<a href="#">Link</a>
PVS	Dầu khí	33.7	0.0%	1.20	641	3.3	2473	13.6	57,000	19.0%	<a href="#">Link</a>
PVD	Dầu khí	23.6	-0.4%	1.50	523	1.9	1249	18.9	38,400	9.7%	<a href="#">Link</a>
POW	Tiện ích	12	1.3%	0.70	1,113	4.6	535	22.4	17,100	3.6%	<a href="#">Link</a>
VHC	Thủy sản	70	-0.7%	1.30	625	2.6	5496	12.7	108,500	27.0%	<a href="#">Link</a>
GMD	Logistics	62.6	-0.6%	0.80	1,031	2.4	3525	17.8	90,400	45.6%	<a href="#">Link</a>
VNM	Bán lẻ	60.8	0.2%	0.40	5,054	6.2	4494	13.5	93,100	51.2%	<a href="#">Link</a>
MSN	Bán lẻ	67.7	0.4%	0.90	4,073	6.1	1321	51.2	110,000	24.1%	<a href="#">Link</a>
MWVG	Bán lẻ	58.9	-0.3%	1.10	3,423	16.3	2547	23.1	-	45.8%	<a href="#">Link</a>
PNJ	Bán lẻ	98.3	-1.3%	1.20	1,321	2.2	6258	15.7	118,000	49.0%	<a href="#">Link</a>
DGW	Bán lẻ	38.8	-0.6%	1.80	338	1.1	1809	21.4	66,600	19.6%	<a href="#">Link</a>
FPT	Công nghệ	146.1	-0.3%	1.20	8,547	22.5	5336	27.4	107,900	44.9%	<a href="#">Link</a>
CTR	Công nghệ	126	-1.6%	1.50	573	3.8	4749	26.5	-	9.2%	<a href="#">Link</a>

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Nguồn: BSC Research



## DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
HDB	Ngân hàng	22.9	-0.2%	1.2	3,183	8.1	3,652	6.3	1.5	17.5%	29.1%
VIB	Ngân hàng	20.5	0.2%	1.1	2,429	5.4	2,418	8.5	1.5	5.0%	18.9%
TPB	Ngân hàng	16.6	0.0%	1.4	1,739	6.6	2,299	7.2	1.2	30.0%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.4	0.0%	1.1	1,174	3.2	2,123	5.3	0.8	27.5%	13.3%
EIB	Ngân hàng	18.6	0.3%	0.8	1,382	2.3	1,786	10.4	1.4	2.3%	11.8%
HCM	Chứng khoán	28.8	0.0%	1.9	825	6.4	1,444	19.9	2.0	44.5%	10.9%
VCI	Chứng khoán	34.4	0.3%	1.7	982	6.4	1,268	27.1	1.9	25.3%	10.2%
VND	Chứng khoán	12.8	-0.8%	1.6	775	3.9	1,129	11.3	1.0	11.1%	13.0%
BSI	Chứng khoán	45.8	-0.5%	2.0	407	0.2	1,852	24.8	2.0	41.1%	8.1%
SHS	Chứng khoán	13.6	-0.7%	1.9	440	7.2	1,244	10.9	1.0	2.9%	9.1%
CTD	Xây dựng	81.9	0.0%	1.4	326	3.5	3,732	21.9	0.9	49.0%	3.9%
HHV	Xây dựng	12.6	-1.2%	1.5	216	6.1	835	15.0	0.6	7.3%	4.5%
LCG	Xây dựng	10.6	0.5%	1.5	82	1.5	684	15.6	0.8	2.5%	6.2%
SZC	BĐS KCN	42.8	-1.6%	1.0	306	2.8	1,678	25.5	2.5	2.4%	12.0%
SIP	BĐS KCN	81.5	-1.6%	1.3	682	1.4	5,635	14.5	4.1	4.6%	29.7%
PHR	BĐS KCN	52.1	-0.8%	0.9	281	0.2	3,464	15.0	1.9	18.0%	10.5%
DIG	BĐS	18.7	-0.5%	1.6	454	5.5	171	109.1	1.5	4.9%	1.0%
CEO	BĐS	13.3	0.0%	2.0	286	3.2	316	42.1	1.2	4.1%	2.1%
KBC	BĐS KCN	29.1	-0.9%	1.3	888	2.7	549	53.0	1.2	19.4%	2.6%
VGC	BĐS KCN	50.0	-2.0%	1.2	892	1.8	2,464	20.3	2.7	5.2%	5.9%
GVR	BĐS KCN	29.4	0.7%	1.7	4,677	2.7	851	34.5	2.3	0.3%	7.3%
NKG	VLXD	14.0	-1.1%	1.6	249	2.2	1,012	13.8	1.1	5.6%	8.1%
BMP	VLXD	123.0	-0.6%	1.1	400	0.7	12,103	10.2	3.7	83.6%	34.4%
IJC	BĐS	14.2	1.4%	1.2	213	2.0	941	15.1	1.0	4.7%	6.3%
DXG	BĐS	15.2	0.3%	1.4	528	4.1	197	77.4	1.0	16.2%	1.7%
VRE	BĐS	16.8	0.9%	1.1	1,523	4.1	1,802	9.3	0.9	18.3%	10.5%
PDR	BĐS	19.4	-1.8%	1.8	675	3.2	599	32.5	1.5	8.4%	4.4%
DIG	BĐS	18.7	-0.5%	1.6	454	5.5	171	109.1	1.5	4.9%	1.0%
HUT	Xây dựng	16.1	1.3%	0.7	572	0.5	152	106.1	1.7	1.3%	1.3%
C4G	Xây dựng	8.4	0.0%	1.00	-	0.4	502	16.7	0.8	0.0%	5.3%

## DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CSV	Hóa chất	43	-2.2%	1.6	189	4.0	2,157	20.0	3.2	2.7%	17.4%
DHC	Hóa chất	35.0	0.9%	1.1	112	0.3	3,007	11.6	1.4	40.3%	14.1%
DRC	Cao su	28.8	-0.7%	0.9	136	0.5	1,950	14.7	1.8	8.9%	14.4%
PC1	Tiện ích	24.0	2.4%	1.2	341	4.3	1,287	18.6	1.6	14.7%	9.7%
HDG	Tiện ích	27.3	-0.4%	1.4	365	1.8	1,714	15.9	1.5	19.8%	12.6%
GEX	Tiện ích	21.5	0.2%	1.5	735	6.8	1,890	11.4	1.3	6.5%	7.1%
QTP	Tiện ích	13.6	0.0%	0.5	-	0.1	1,444	9.4	1.2	0.9%	12.5%
PLX	Dầu khí	39.8	-0.1%	0.7	2,014	1.2	2,274	17.5	1.9	17.4%	11.6%
BSR	Dầu khí	20.4	-0.7%	1.1	2,509	2.0	966	21.1	1.1	0.5%	5.3%
PLC	Dầu khí	25.2	-0.8%	1.3	81	0.4	534	47.2	1.6	0.3%	3.9%
ANV	Thủy sản	17.2	-0.3%	1.2	183	0.9	182	94.9	1.6	1.0%	1.4%
PTB	VLXD	62.1	-2.4%	1.2	165	0.5	4,944	12.6	1.5	23.5%	11.8%
VSC	Logistics	18.0	-0.3%	1.1	206	3.1	1,614	11.2	1.1	2.8%	8.0%
HAH	Logistics	54.0	-0.2%	0.9	261	4.8	5,361	10.1	2.0	13.6%	14.9%
VTP	Logistics	161.9	0.2%	1.4	784	4.9	2,929	55.3	13.2	7.1%	23.9%
DBC	Bán lẻ	26.2	0.0%	1.6	349	3.5	2,298	11.4	1.3	8.4%	9.6%
FRT	Bán lẻ	188.4	0.2%	0.9	1,021	7.7	2,330	80.8	13.4	35.9%	9.0%
QNS	Bán lẻ	51.3	-0.6%	0.5	-	0.4	6,467	7.9	1.9	11.9%	27.8%
TNG	Dệt may	23.9	-0.4%	1.2	116	0.7	2,574	9.3	1.5	16.4%	16.3%
PVT	Logistics	26.6	-0.4%	1.0	376	2.1	3,130	8.5	1.3	12.5%	15.6%
DPM	Phân bón	34.9	-1.4%	1.1	543	3.3	1,700	20.5	1.2	8.8%	5.9%
REE	Tiện ích	66.8	1.2%	1.0	1,251	2.1	4,232	15.8	1.7	49.0%	10.2%

*Nguồn: BSC Research*

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

# KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

## Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

### Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

### Bùi Nguyễn Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

### Đỗ Thu Phương

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Định lượng

Phuongdt@bsc.com.vn

### Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

## Vĩ mô – Thị trường

### Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

### Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

### Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

### Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

### Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

## BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

## Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

## Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

## Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSC ResearchV <GO>

# CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

## THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (\*)

Ngày sinh (\*)

CMTND/CCCD (\*)

Ngày cấp (\*)

Nơi cấp (\*)

Số điện thoại (\*)

Email (\*)

Địa chỉ liên hệ (\*)

Tỉnh/Thành phố (\*)

Quận/Huyện (\*)

Phường/Xã (\*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)




Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký